

Số: 61/2022/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thời hạn gửi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công định kỳ, báo cáo và thẩm định quyết toán vốn đầu tư công thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thời hạn gửi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công định kỳ, báo cáo và thẩm định quyết toán vốn đầu tư công thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2023. Thay thế Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về trách nhiệm, thẩm quyền phê duyệt trong công tác quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn

nhà nước và Quyết định số 51/2019/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định thẩm quyền phê duyệt dự toán và quyết toán các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước do tỉnh Thừa Thiên Huế quản lý.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ đầu tư các dự án và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TVTU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã và TP Huế;
- Cơ quan Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP và các CV;
- Lưu:VT, XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Thời hạn gửi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán
vốn đầu tư công định kỳ, báo cáo và thẩm định quyết toán vốn đầu
tư công thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách
hàng năm, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên địa
bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Kèm theo Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quyết định này quy định một số nội dung về thời hạn gửi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công định kỳ, báo cáo và thẩm định quyết toán vốn đầu tư công thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

c) Các Sở, ban, ngành, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan, đơn vị khác có liên quan sử dụng vốn đầu tư công.

d) Các chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 2. Nguyên tắc chung

Những nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (sau đây gọi tắt là Nghị định số 99/2021/NĐ-CP), Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 2 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công, Thông

tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Chương II

THỜI HẠN GỬI BÁO CÁO THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Điều 3. Biểu mẫu báo cáo

1. Báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công thực hiện theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 2 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công.

2. Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

3. Đối với Báo cáo hàng tháng, Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền cho Phòng Tài chính Kế hoạch thực hiện báo cáo.

Điều 4. Thời hạn gửi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công định kỳ thuộc ngân sách nhà nước trên địa bàn do Kho bạc nhà nước tỉnh thực hiện báo cáo

1. Đơn vị thực hiện báo cáo: Kho bạc Nhà nước tỉnh.

2. Đơn vị nhận báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

3. Thời hạn báo cáo:

a) Báo cáo hàng tháng: Trước ngày 11 của tháng báo cáo. Đối với báo cáo lũy kế thực tế thanh toán vốn đầu tư công 12 tháng, ước thanh toán 13 tháng, báo cáo trước ngày 11 tháng 01 năm sau năm kế hoạch.

b) Báo cáo hàng năm (báo cáo 13 tháng): Trước ngày 15 tháng 2 năm sau năm kế hoạch.

c) Báo cáo giữa kỳ trung hạn: Trước ngày 21 tháng 7 năm thứ 3 của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

d) Báo cáo cả giai đoạn trung hạn: Trước ngày 21 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 5. Thời hạn gửi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công định kỳ thuộc ngân sách nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Đơn vị thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
2. Đơn vị nhận báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.
3. Thời hạn báo cáo:

a) Báo cáo hàng tháng: Trước ngày 11 của tháng báo cáo. Đối với báo cáo lũy kế thực tế thanh toán vốn đầu tư công 12 tháng, ước thanh toán 13 tháng, báo cáo trước ngày 11 tháng 01 năm sau năm kế hoạch.

b) Báo cáo hàng năm (báo cáo 13 tháng): Trước ngày 15 tháng 2 năm sau năm kế hoạch.

c) Báo cáo giữa kỳ trung hạn: Trước ngày 21 tháng 7 năm thứ 3 của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

d) Báo cáo cả giai đoạn trung hạn: Trước ngày 21 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công định kỳ thuộc ngân sách nhà nước trên địa bàn để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện báo cáo Bộ Tài chính

1. Đơn vị thực hiện báo cáo: Sở Tài chính.
2. Đơn vị nhận báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Thời hạn báo cáo:

a) Báo cáo hàng tháng: Trước ngày 13 của tháng báo cáo. Đối với báo cáo lũy kế thực tế thanh toán vốn đầu tư công 12 tháng, ước thanh toán 13 tháng, báo cáo trước ngày 13 tháng 01 năm sau năm kế hoạch.

b) Báo cáo hàng năm (báo cáo 13 tháng): Trước ngày 18 tháng 2 năm sau năm kế hoạch.

c) Báo cáo giữa kỳ trung hạn: Trước ngày 27 tháng 7 năm thứ 3 của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

d) Báo cáo cả giai đoạn trung hạn: Trước ngày 27 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 7. Thời hạn gửi báo cáo tình hình thực hiện quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

1. Phòng Tài chính Kế hoạch huyện tổng hợp:

Đơn vị thực hiện báo cáo gửi về Phòng Tài chính Kế hoạch huyện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- a) Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 03 tháng 7 của năm báo cáo.

b) Báo cáo hàng năm: Trước ngày 03 tháng 1 năm sau năm báo cáo.

2. Sở Tài chính tổng hợp:

Đơn vị thực hiện báo cáo gửi về Sở Tài chính: Phòng Tài chính Kế hoạch huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

a) Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo

b) Báo cáo hàng năm: Trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm báo cáo.

3. Sở Tài chính tổng hợp, thực hiện báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo.

b) Dự thảo báo cáo hàng năm gửi Bộ Tài chính: Trước ngày 17 tháng 01 năm sau năm báo cáo.

Chương III

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH (QUYẾT TOÁN THEO NIÊN ĐỘ)

Điều 8. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện đối với vốn đầu tư công thuộc nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quản lý

1. Đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý:

a) Các chủ đầu tư gửi báo cáo quyết toán theo niên độ cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh được phân cấp quản lý trước ngày 15 tháng 3 năm sau.

b) Các Sở, ban, ngành xét duyệt quyết toán theo niên độ của các chủ đầu tư thuộc trách nhiệm quản lý; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán gửi cho Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 4 năm sau.

c) Các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cho Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 4 năm sau.

d) Kho bạc Nhà nước tỉnh tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán, gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 5 năm sau.

2. Đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý:

a) Các chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện trước ngày 15 tháng 3 năm sau.

b) Kho bạc Nhà nước cấp huyện tổng hợp báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Kho bạc Nhà nước cấp huyện kiểm soát thanh toán, gửi Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện trước ngày 15 tháng 3 năm sau.

c) Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện thẩm định và thông báo kết quả thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ của các chủ đầu tư thuộc trách nhiệm quản lý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ trước ngày 15 tháng 5 năm sau vào quyết toán ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn.

Điều 9. Trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý

1. Kho bạc Nhà nước cấp huyện tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ do Kho bạc Nhà nước cấp huyện kiểm soát thanh toán, gửi Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 15 tháng 3 năm sau.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ, tổng hợp vào quyết toán ngân sách xã hằng năm trình Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn gửi Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện trước ngày 15 tháng 4 năm sau.

3. Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện thẩm định và thông báo kết quả thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ của Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 15 tháng 5 năm sau.

4. Sau khi thẩm định, Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện thông báo kết quả thẩm định quyết toán theo niên độ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã và Kho bạc Nhà nước cấp huyện; tổng hợp vào quyết toán ngân sách huyện hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn.

5. Căn cứ kết quả thẩm định của Phòng Tài chính Kế hoạch, nếu có sai lệch so với số liệu quyết toán đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn trước đó, Bộ phận tài chính, kế toán xã có trách nhiệm tổng hợp những nội dung cần điều chỉnh trên báo cáo quyết toán, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành Nghị quyết phê chuẩn điều chỉnh bổ sung trong kỳ họp gần nhất.

Điều 10. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định

1. Trường hợp báo cáo quyết toán theo niên độ lập chưa đúng quy định, cơ quan thẩm tra quyết toán yêu cầu đơn vị giải trình hoặc cung cấp thông tin, số

liệu cần thiết, điều chỉnh những sai sót, hoàn chỉnh lại báo cáo hoặc lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định; đồng thời yêu cầu đơn vị nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư chi sai chế độ.

2. Chủ đầu tư giải trình, cung cấp thông tin, điều chỉnh sai sót hoặc lập lại báo cáo để xét duyệt đối với trường hợp báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, thực hiện trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan xét duyệt quyết toán.

Chương IV

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH VÀ QUYẾT TOÁN KHOẢN THU TỪ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, QUẢN LÝ DỰ ÁN CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ, BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Các dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư đối với các dự án hoặc dự án thành phần, tiểu dự án độc lập sử dụng vốn đầu tư công giao cấp tỉnh quản lý.

b) Dự án và các dự án thành phần, hạng mục dự án sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công thuộc dự án nhóm A, nhóm B do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc sử dụng vốn cấp trên uỷ quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

2. Ủy quyền Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Các dự án, hạng mục dự án thuộc nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công thuộc tỉnh quản lý.

b) Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn theo văn bản cho phép dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công thuộc tỉnh quản lý.

3. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Dự án và các dự án thành phần, hạng mục dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công thuộc cấp huyện quản lý.

b) Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn theo văn bản cho phép dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công thuộc cấp huyện quản lý.

4. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

Các dự án do Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh quyết định đầu tư sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công do Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh quản lý.

5. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư sử dụng vốn ngân sách cấp xã, vốn hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có phần vốn ngân sách cấp xã quản lý.

b) Các dự án thuộc ngân sách nhà nước cấp trên hỗ trợ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) uỷ quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

6. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

Dự án, hạng mục dự án do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư theo thẩm quyền sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư do đơn vị mình quản lý.

Điều 12. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

1. Sở Tài chính: Chủ trì thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo Khoản 1 và Khoản 2 của Điều 11 Quy định này.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: Chủ trì thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo Khoản 3 Điều 11 Quy định này, thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã (khi có yêu cầu bằng văn bản) để giúp đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo Khoản 5 Điều 11 của Quy định này.

3. Phòng Kế hoạch Tổng hợp của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh: Chủ trì thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công do Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh quyết định đầu tư, trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo Khoản 4 Điều 11 của Quy định này.

4. Công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã là người được giao chủ trì thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo Khoản 5 Điều 11 của Quy định này. Trường hợp không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư có văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

5. Đơn vị có chức năng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập: Chủ trì thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo Khoản 6 Điều 11 Quy định này.

Điều 13. Kiểm toán báo cáo quyết toán

1. Dự án hoàn thành thực hiện kiểm toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

a) Dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công (trừ các dự án trong lĩnh vực thuộc bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật).

b) Dự án sử dụng vốn đầu tư công còn lại thực hiện kiểm toán nếu có gói thầu kiểm toán trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kiểm toán báo cáo quyết toán của cơ quan kiểm toán độc lập đối với các dự án được cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra thực hiện, chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 35 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị quyết toán

1. Hồ sơ đề nghị quyết toán dự án gửi cho cơ quan thẩm tra quyết toán thực hiện theo Điều 34 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP bằng bản giấy đính kèm file điện tử theo quy định.

Sau khi dự án được phê duyệt quyết toán, hồ sơ được hoàn trả cho chủ đầu tư gồm văn bản Quyết định phê duyệt quyết toán dự án vốn đầu tư công hoàn thành kèm các loại hồ sơ quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP đối với dự án đầu tư công hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành, dự án đầu tư công dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị; tại Điểm d Khoản 2 Điều 34 Nghị định số

99/2021/NĐ-CP đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công, lắp đặt thiết bị.

2. Cơ quan thẩm tra quyết toán được quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp lại các loại hồ sơ đã hoàn trả trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm toán nhà nước kiểm tra các dự án đã phê duyệt quyết toán khi thực hiện kiểm tra tại cơ quan thẩm tra quyết toán.

Điều 15. Sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán

1. Sở Tài chính thực hiện theo Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế quản lý và sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý do Sở Tài chính thực hiện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán do phòng Tài chính Kế hoạch xây dựng, trình duyệt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán do công chức phụ trách tài chính xây dựng, trình duyệt.

Điều 16. Quyết toán khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công

Thẩm quyền quyết toán các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Chương V

NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Nhiệm vụ của các Sở, ban ngành cấp tỉnh

1. Sở Tài chính:

a) Thực hiện và hướng dẫn quy định về báo cáo, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm được phân bổ cho các chương trình, dự án đảm bảo đúng ngành, lĩnh vực theo thứ tự ưu tiên theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị quyết của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước.

c) Công khai danh sách các chủ đầu tư vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán, gửi Thanh tra Xây dựng xử lý theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép quyết toán: Các dự án quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, dự án đầu tư dở dang bị dừng thực hiện; hạng mục công trình độc lập hoàn thành và xem xét vốn thanh toán còn thiếu cho các dự án sau quyết toán để đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công khai danh sách các nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán trên Báo Đấu thầu, hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để thông báo cho các chủ đầu tư, ban quản lý dự án biết các nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán hợp đồng. Không để nhà thầu có vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được tham gia đấu thầu dự án, gói thầu mới.

c) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước rà soát số liệu kế hoạch vốn, số thanh toán vốn đầu tư công định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công, đề xuất giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của các dự án.

3. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh:

a) Xét duyệt quyết toán theo niên độ của các chủ đầu tư thuộc trách nhiệm quản lý; tổng hợp, lập và gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đúng thời hạn quy định tại quy định này.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng phối hợp xử lý các khó khăn vướng mắc của các chủ đầu tư có liên quan đối với những công việc thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước; thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao công trình theo quy định của pháp luật để tạo điều kiện để chủ đầu tư hoàn thành việc bàn giao công trình trước khi trình phê duyệt quyết toán đảm bảo thời hạn quy định.

Điều 18. Nhiệm vụ của Kho bạc Nhà nước tỉnh

1. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công các dự án thuộc địa phương quản lý và quyết toán theo niên độ theo đúng thời gian quy định tại Quy định này.

2. Xác nhận số giải ngân trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án hoặc xác nhận số vốn đã thanh toán theo yêu cầu quản lý; đối với vốn ngoài nước, cơ quan kiểm soát, thanh toán (Kho bạc Nhà nước) xác nhận theo số liệu đề nghị tạm ứng, thanh toán của chủ đầu tư (chủ dự án) đã được cơ quan kiểm soát, thanh toán chấp nhận.

3. Chỉ đạo Kho bạc Nhà nước cấp huyện phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, chủ đầu tư đối chiếu số liệu báo cáo về kế hoạch vốn trung hạn, hằng năm, số liệu thanh toán các nguồn vốn đầu tư công chi tiết các dự án, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với quy định.

Điều 19. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về thời gian, chất lượng, hiệu quả công tác của chế độ báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công định kỳ; quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ; quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo thẩm quyền quy định.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao công trình theo quy định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư để tạo điều kiện cho chủ đầu tư trình phê duyệt quyết toán đảm bảo thời hạn quy định.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

